UBND TỈNH VĨNH LONG **BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN NÔNG NGHIỆP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 562 /QĐ-BQL	*Vĩnh Long, ngày 04 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt E-HSMT
Gói thầu: Thi công xây dựng công trình thuộc dự án Gia cố xử lý sạt lở bờ sông Hàm Luông khu vực thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN NÔNG NGHIỆP TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Ban Quản lý dự án Nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long;

Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-BQL ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Ban Quản lý dự án nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long về việc tiếp tục ủy quyền chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện và ký các văn bản giai đoạn triển khai, thực hiện dự án và phân công, ủy quyền thực hiện nhiệm vụ;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu thầu, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, Luật đầu tư, Luật đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 08 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 06 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 08 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 3318/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt Dự án Gia cố xử lý sạt lở bờ sông Hàm Luông khu vực thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre;

Căn cứ Quyết định số 679/QĐ-BQL ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ban Quản lý dự án nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Gia cố xử lý sạt lở bờ sông Hàm Luông khu vực thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre;

Căn cứ Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 23 tháng 09 năm 2026 của Ban Quản lý dự án nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt thiết kế xây dựng

triển khai sau khi dự án được phê duyệt dự án Gia cố xử lý sạt lở bờ sông Hàm Luông khu vực thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre;

Căn cứ Quyết định số 557/QĐ-BQL ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Ban quản lý dự án nông nghiệp về việc phê duyệt giá các gói thầu giai đoạn thi công xây dựng công trình dự án: Gia cố xử lý sạt lở bờ sông Hàm Luông khu vực thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre;

Căn cứ Báo cáo ngày 04 tháng 11 năm 2026 của Tổ Thẩm định;

Xét đề nghị của Phòng Quản lý và Điều hành dự án 2.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt E-HSMT Gói thầu: Thi công xây dựng công trình thuộc dự án Gia cố xử lý sạt lở bờ sông Hàm Luông khu vực thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Cơ sở lập hồ sơ mời thầu:

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu thầu, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, Luật đầu tư, Luật đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 210/2026/ND-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xây dựng về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 06 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 08 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 3318/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt Dự án Gia cố xử lý sạt lở bờ sông Hàm Luông khu vực thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre;

Căn cứ Quyết định số 679/QĐ-BQL ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ban Quản lý dự án nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Gia cố xử lý sạt lở bờ sông Hàm Luông khu vực thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre;

Căn cứ Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 23 tháng 09 năm 2026 của Ban Quản lý dự án nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt thiết kế xây dựng

triển khai sau khi dự án được phê duyệt dự án Gia cố xử lý sạt lở bờ sông Hàm Luông khu vực thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre;

Căn cứ Quyết định số 557/QĐ-BQL ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Ban quản lý dự án nông nghiệp về việc phê duyệt giá các gói thầu giai đoạn thi công xây dựng công trình dự án: Gia cố xử lý sạt lở bờ sông Hàm Luông khu vực thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

2. Nội dung E-HSMT:

Chấp thuận nội dung E-HSMT Gói thầu: Thi công xây dựng công trình thuộc dự án Gia cố xử lý sạt lở bờ sông Hàm Luông khu vực thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, bao gồm các nội dung cụ thể như sau:

Phần 1. Thủ tục đấu thầu

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Phần 2. Điều khoản tham chiếu

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Phần 3. Điều kiện hợp đồng và biểu mẫu hợp đồng

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng

3. Địa điểm phát hành E-HSMT và nộp E-HSDT: Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tại địa chỉ: http://muasamcong.mpi.gov.vn

4. Tiêu chuẩn đánh E-HSDT: *(Phục lục kèm theo)*

5. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.

6. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.

7. Giá gói thầu: **448.674.211.747 đồng**.

8. Loại hợp đồng: Đơn giá điều chỉnh.

9. Thời gian thực hiện hợp đồng: 720 ngày.

10. Nguồn vốn: Nguồn vốn ngân sách nhà nước trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và chuyển tiếp sang kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030.

Điều 2. Giao Phòng Quản lý và Điều hành dự án 2, Phòng Kế hoạch – Tài Chính có trách nhiệm tổ chức thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng, Trưởng các Phòng: Kế hoạch - Tài chính, Kỹ thuật – Thẩm định, Quản lý và Điều hành dự án 2, Thủ trưởng các tổ chức và cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- GĐ, PGĐ (Truyền);
- P. ĐHDA2;
- Lưu: VT, ĐHDA2.Duy.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nội dung được ký số bởi:
Tên đơn vị: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN NÔNG NGHIỆP TỈNH VĨNH LONG
Mã số thuế: 1501157733
Thời gian ký: 04-11-2026 17:46:49

Lê Minh Truyền

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

(Kèm theo Quyết định số: 562 /QĐ-BQL ngày 04 tháng 11 năm 2026)

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu[1] không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT (đối với bảo lãnh dự thầu điện tử thì phải được ký số). Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.

Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.7 E-CDNT.

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng tổng hợp giá dự thầu quy định tại Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E) Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng tổng hợp giá dự thầu; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

---

[1] Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, pháp luật không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ khoản này.

4. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.

5. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm[1]

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo Bảng số 01 Chương này và được số hóa dưới dạng webform trên Hệ thống, nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ (trừ nhà thầu phụ đặc biệt) sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Không đưa ra yêu cầu nhà thầu đã từng thực hiện một hoặc nhiều hợp đồng trên một địa bàn cụ thể hoặc nhà thầu phải có kinh nghiệm thi công xây dựng trên một địa bàn cụ thể như là tiêu chí để loại bỏ nhà thầu.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng xây lắp đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập E-HSDT, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá E-HSDT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của "*Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Tài Lộc"* tỷ giá bán ra tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên theo Mẫu số 09C Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhiệm trong gói thầu.

---

[1] *Đối với gói thầu áp dụng chào hàng cạnh tranh, căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu, E-HSMT có thể bao gồm tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc không bao gồm tiêu chuẩn này nhưng nhà thầu tham dự thầu phải cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu (nội dung về cam kết được thực hiện cùng với đơn dự thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT). Nhà thầu không phải cung cấp tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm để đối chiếu trong trường hợp E-HSMT không yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm);*

Bảng số 01 (Webform trên Hệ thống)

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	**Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu**	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023(1) đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên (xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu(2).	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	**Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế**	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế(3) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu
3	**Năng lực tài chính**					
3.1	**Kết quả hoạt động tài chính(4)**	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08A
3.2	**Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)**	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 (5)năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là **362.000.000.000 (6)VND**.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08A

3.3	**Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu**	"Nhà thầu phải chứng minh có khả năng tiếp cận hoặc có sẵn các tài sản có khả năng thanh khoản cao[7], hạn mức tín dụng khả dụng (hạn mức tín dụng còn được sử dụng) hoặc các nguồn tài chính khác (không bao gồm các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) để đáp ứng yêu về cầu nguồn lực tài chính thực hiện gói thầu với giá trị là **56.085.000.000[8]VND**. Đối với trường hợp nhà thầu sử dụng cam kết cung cấp tín dụng của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam thì cam kết cung cấp tín dụng phải đáp ứng các điều kiện: - Giá trị tối thiểu: **56.085.000.000 [8]VND**. - Thời gian có hiệu lực của cam kết cung cấp tín dụng: có hiệu lực trong **720 ngày**, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc có hiệu lực đến ngày **31 tháng 12 năm 2028**. - Được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu."	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08B, 08C
4	**Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp tương tự[9]**	"Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023[10] đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn[11] tối thiểu 01 công trình có: loại kết cấu: Kè bảo vệ bờ sông (công trình Nông nghiệp và Môi trường/Nông nghiệp và Phát triển	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công	Mẫu số 05

		nông thôn; kết cấu kè tường đứng cừ dự ứng lực SW liên kết hệ neo/bản sàn tường góc bê tông cốt thép trên nền cọc bê tông cốt thép, kết hợp gia cố chống xói mái kè phía sông), cấp: IV(12), có giá trị là **224.337.105.874 VND**(13) với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý(14) hoặc nhà thầu phụ.			việc đảm nhận)	

Ghi chú:

(1) Ghi thời gian yêu cầu thông thường là 03 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu.

(2) Hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại

không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(3) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1)

(Ví dụ: ngày có thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).

(4) Việc xác định giá trị tài sản ròng được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của nhà thầu. Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm trước của năm Y (năm Y-1).

Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở

bảo cáo tài chính năm 2022.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá tiêu chí này.

(5) Ghi số năm yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trường hợp doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của E-HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu vào sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1, năm Y-2...).

Ví dụ:

- Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022).

- Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.

(6) Cách tính toán về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu – giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện gói thầu theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số k trong công thức này là từ 1,5 đến 2;

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu – giá trị thuế VAT) x k.

Thông thường yêu cầu hệ số "k" trong công thức này là 1,5.

(7) Tài sản có khả năng thanh khoản cao là tiền mặt và tương đương tiền mặt, các công cụ tài chính ngắn hạn, các chứng khoán sẵn sàng để bán, chứng khoán dễ bán, các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu tài chính ngắn hạn và các tài sản khác mà có thể chuyển đổi thành tiền mặt trong vòng một năm. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng và nhà thầu sử dụng cam kết này để chứng minh nguồn lực tài chính thì nhà thầu phải đính kèm bản scan cam kết cung cấp tín dụng trong E-HSDT.

(8) Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu:

a) Đối với gói thầu có thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên, yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu được xác định theo công thức sau:

Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu = t x (Giá gói thầu/thời gian thực hiện gói thầu (tính theo tháng)).

Thông thường yêu cầu hệ số "t" trong công thức này là 3.

b) Đối với gói thầu có thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng, yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu được xác định theo công thức sau:

Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu = 30% x Giá gói thầu.

(9) Trường hợp gói thầu gồm công trình và hạng mục theo quy định của pháp luật về xây dựng thì chỉ nêu yêu cầu về hợp đồng tương tự đối với công trình. Đối với các hợp đồng tương tự mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

Đối với các hợp đồng mà Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng thầu bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.

(10) Ghi năm yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Đối với công trình cấp

đặc biệt, cấp I và có thời gian thực hiện hợp đồng lớn hơn 36 tháng, chủ đầu tư có thể quy định năm yêu cầu từ 03 năm đến 08 năm.

(11) Hoàn thành toàn bộ nghĩa là đã thực hiện xong toàn bộ công việc của công trình/hạng mục và được nghiệm thu; hoàn thành phần lớn nghĩa là đã hoàn thành và được nghiệm thu ít nhất 80% khối lượng công việc của công trình/hạng mục công trình. Thời điểm xác nhận công trình/hạng mục hoàn thành để xác định công trình/hạng mục tương tự là thời điểm nghiệm thu công trình/hạng mục, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

(12) Ghi loại kết cấu, cấp công trình của công trình thuộc gói thầu. Loại kết cấu, cấp công trình được xác định theo Phụ lục II Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng. Trường hợp công trình/loại kết cấu công trình thuộc gói thầu không có trong Phụ lục II Thông tư số 06/2021/TT-BXD thì E-HSMT phải đưa ra quy định tính tương tự về bản chất của công trình; riêng đối với cấp công trình được xác định theo Phụ lục I Thông tư số 06/2021/TT-BXD. Trường hợp Thông tư số 06/2021/TT-BXD được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì việc xác định loại, cấp công trình thực hiện theo quy định tại Thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

Loại kết cấu, cấp công trình của nhà thầu thực hiện được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng tại thời điểm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.

Chủ đầu tư không được đưa ra yêu cầu về hợp đồng tương tự đối với hạng mục trong trường hợp gói thầu chỉ gồm công trình hoặc cả công trình và hạng mục theo quy định của pháp luật về xây dựng (Ví dụ: yêu cầu hợp đồng tương tự đối với công trình giao thông cấp IV nhưng phải bao gồm hạng mục nền đắp đất, cấp phối đá dăm, mặt bê tông nhựa hoặc bê tông, rãnh thoát nước dọc, ngang, mái kè gia cố…).

(13) Ghi giá trị của V, V1, V2, V3. Trong đó:

- V có giá trị thông thường khoảng 50% giá trị công việc xây lắp của công trình thuộc gói thầu đang xét (công trình A). Đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị V trong khoảng 40% - 50% giá trị công việc xây lắp của công trình A.

- V1, V2, V3... có giá trị thông thường khoảng 50% giá trị của từng công trình/hạng mục tương ứng (A1, A2, A3...)

thuộc gói thầu đang xét (bao gồm thuế, phí, lệ phí và chi phí dự phòng nếu có). Đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị V1, V2, V3... trong khoảng 40% - 50% giá trị của công trình/hạng mục A1, A2, A3...

- Việc đánh giá về giá trị của các công trình/hạng mục mà nhà thầu đã thực hiện, Tổ chuyên gia căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu của công trình/hạng mục đó. Thời điểm xác nhận công trình/hạng mục hoàn thành để xác định công trình/hạng mục tương tự là thời điểm nghiệm thu công trình/hạng mục, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

(Hai công trình có cấp thấp hơn liền kề với cấp của công trình đang xét, giá trị hoàn thành mỗi công trình cấp thấp hơn liền kề bằng hoặc lớn hơn 50% giá trị của công trình đang xét thì được đánh giá là một công trình xây lắp tương tự).

Ví dụ: Trường hợp công trình đang xét là công trình xây dựng có loại kết cấu dạng nhà cấp II với giá trị công trình là 60 tỷ đồng, nếu nhà thầu có 2 công trình xây dựng có loại kết cấu dạng nhà cấp III với giá trị đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn lần lượt là 30 tỷ đồng, 50 tỷ đồng thì được coi là đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn một công trình dân dụng cấp II với giá trị 30 tỷ đồng.

- Các công trình/hạng mục tương tự mà nhà thầu đã hoàn thành có thể thuộc một hoặc nhiều hợp đồng (hợp đồng có thể đang thực hiện, chưa thanh lý).

- Đối với gói thầu gồm tổ hợp nhiều công trình theo pháp luật về xây dựng, Chủ đầu tư có thể yêu cầu phải hoàn thành công trình/hạng mục tương tự cho tất cả các công trình/hạng mục trong gói thầu hoặc chỉ yêu cầu hoàn thành công trình/hạng mục tương tự đối với một số công trình/hạng mục chính, trường hợp có một số công trình có cùng loại kết cấu thì chỉ yêu cầu về công trình/hạng mục tương tự đối với cùng loại kết cấu mà có cấp công trình cao nhất (trường hợp có nhiều công trình cùng loại kết cấu và cấp công trình thì giá trị hợp đồng tương tự được tính theo công trình có giá trị cao nhất). Công trình/hạng mục mà nhà thầu đã hoàn thành có cùng loại kết cấu và có cấp công trình cao hơn cấp công trình của gói thầu đang xét thì được coi là đáp ứng yêu cầu về loại kết cấu và cấp công trình.

Loại kết cấu, cấp công trình của công trình tương tự được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng tại thời điểm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.

Ví dụ: Đối với gói thầu xây dựng "Trường trung học phổ thông A", bao gồm tổ hợp các công trình:

+ Nhà A1 (Nhà học): Cao 10 tầng, tổng diện tích sàn 8.000 m^2, có giá trị theo dự toán được duyệt là (2X) VND. Nhà A1 là công trình kết cấu dạng nhà cấp II theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

+ Nhà A2 (Nhà học): Cao 10 tầng, tổng diện tích sàn 5.000 m^2, có giá trị theo dự toán được duyệt là (X) VND. Nhà A1 là công trình kết cấu dạng nhà cấp II theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

+ Nhà A3 (Nhà học): Cao 6 tầng, tổng diện tích sàn 1.000 m^2, có giá trị theo dự toán được duyệt là (Y) VND. Nhà A2 là công trình kết cấu dạng nhà cấp III theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

+ Hàng rào bảo vệ: Cao 3 m

+ Nhà bảo vệ: Cao 1 tầng, diện tích sàn 12 m^2

Trong E-HSMT có thể quy định kinh nghiệm thi công công trình tương tự là: "nhà thầu đã hoàn thành công trình xây dựng nhà, kết cấu dạng nhà cấp II, có giá trị tối thiểu là 50% x (2X) VND" mà không phải quy định nhà thầu phải có kinh nghiệm thực hiện cả các công trình xây dựng nhà A2, A3, hàng rào bảo vệ, nhà bảo vệ .

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà có thể yêu cầu tương tự về điều kiện hiện trường.

(14) Nhà thầu quản lý là nhà thầu không trực tiếp thực hiện một phần hoặc toàn bộ các công việc của gói thầu mà ký hợp đồng với các nhà thầu khác để thực hiện nhưng nhà thầu vẫn quản lý việc thực hiện của các nhà thầu mà mình đã ký hợp đồng, đồng thời vẫn chịu toàn bộ trách nhiệm cũng như rủi ro liên quan đến giá thành, tiến độ thực hiện, chất lượng và các nội dung khác của gói thầu.

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kỹ thuật

a) Nhân sự chủ chốt:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và pháp luật về xây dựng mà chủ đầu tư đưa ra yêu cầu về nhân sự chủ chốt trong E-HSMT cho phù hợp như chỉ huy trưởng công trường, cán bộ phụ trách kỹ thuật, an toàn lao động và các vị trí công việc quan trọng khác. E-HSMT không được yêu cầu về nhân sự chủ chốt đối với các vị trí công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông.

Nhà thầu phải cam kết trong đơn dự thầu về việc có đủ nhân sự chủ chốt đáp ứng yêu cầu của E-HSMT để làm cơ sở đánh giá. Nhà thầu cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất và hồ sơ kinh nghiệm của nhân sự theo các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhà thầu được xếp thứ nhất, nhân sự chủ chốt mà nhà thầu đề xuất trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế tối đa hai lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc đối với mỗi lần thay thế. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại và bị đánh giá về uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Yêu cầu về nhân sự chủ chốt được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống. Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu.

Nhà thầu cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất tại các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt (Webform trên Hệ thống)

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự[(1)]	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn[(2)]
1	Chỉ huy trưởng công trường	1	Tối thiểu 03 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng	+ Có trình độ cao đẳng trở lên với chuyên ngành xây dựng có liên quan đến công trình thủy lợi/giao thông. + Đã tham gia thi công xây dựng 01 công trình Nông nghiệp và Môi trường/Nông nghiệp và PTNT từ cấp III trở lên hoặc 02 công trình Nông nghiệp và Môi trường/Nông nghiệp và PTNT cấp IV. + Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh nhân sự có kinh nghiệm tối thiểu 03 năm hoặc 01 hợp đồng đã làm Chỉ huy trưởng công trình có tính chất tương tự theo quy định nêu tại mục 4, bảng số 01 chương III của HSMT. + Tài liệu chứng minh theo quy định E-CDNT 10.8.
2	Cán bộ kỹ thuật thi công	04	Tối thiểu 3 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng	+ Có trình độ cao đẳng trở lên với chuyên ngành xây dựng có liên quan đến công trình thủy lợi/giao thông. + Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh nhân sự có kinh nghiệm tối thiểu 03 năm hoặc 01 hợp đồng đã làm Cán bộ kỹ thuật thi công công trình có tính chất tương tự theo quy định nêu tại mục 4, bảng số 01 chương III của HSMT. + Tài liệu chứng minh theo quy

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự[(1)]	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn[(2)]
				định E-CDNT 10.8.
3	Cán bộ kỹ thuật phụ trách quản lý chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công xây dựng, hồ sơ thi công xây dựng công trình	02	Tối thiểu 03 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng	+ Tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành kinh tế xây dựng hoặc chuyên ngành kỹ thuật xây dựng có liên quan. + Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh nhân sự có kinh nghiệm tối thiểu 03 năm hoặc 01 hợp đồng đã làm Cán bộ kỹ thuật phụ trách quản lý chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công xây dựng, hồ sơ thi công xây dựng công trình Kè bảo vệ bờ sông (công trình Nông nghiệp và Môi trường/Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). + Tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm nhân sự theo quy định tại E-CDNT 10.8 chương II.
4	Cán bộ kỹ thuật phụ trách an toàn lao động	02	Tối thiểu 03 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng	+ Tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành Bảo hộ lao động hoặc chuyên ngành xây dựng và có chứng nhận về huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động. + Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh nhân sự có kinh nghiệm tối thiểu 03 năm hoặc 01 hợp đồng đã làm Cán bộ kỹ thuật phụ trách an toàn lao động công trình Nông nghiệp và Môi trường/Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. + Tài liệu chứng minh năng lực,

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự[1]	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn[2]
				kinh nghiệm nhân sự theo quy định tại E-CDNT 10.8 chương II.

b) Thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu

Căn cứ vào quy mô, tính chất cụ thể của gói thầu, Chủ đầu tư đưa ra các yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động và số lượng để thực hiện gói thầu cho phù hợp. Chỉ quy định về thiết bị thi công chủ yếu đối với các thiết bị quan trọng, đặc chủng, đặc thù bắt buộc phải có để triển khai thi công gói thầu.

Nhà thầu phải cam kết trong đơn dự thầu về việc có thiết bị thi công chủ yếu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT để làm cơ sở đánh giá. Thiết bị thi công chủ yếu có thể của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhà thầu được xếp thứ nhất và thiết bị thi công chủ yếu mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động thiết bị (bao gồm cả trường hợp thiết bị đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế tối đa hai lần đối với từng thiết bị trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc đối với mỗi lần thay thế. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại và bị đánh giá về uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai thiết bị thi công chủ yếu không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống. Nhà thầu cung cấp thông tin chi tiết về các Thiết bị thi công chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 06D Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu (Webform trên Hệ thống)

STT	Loại và Đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1	Búa rung >= 50 kW Kèm theo tài liệu chứng minh công suất thiết bị	03 máy

STT	Loại và Đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
2	Búa đóng cọc >=1,8 T Kèm theo tài liệu chứng minh công suất thiết bị	03 máy
3	Cần cẩu bánh xích >=10T Kèm theo tài liệu chứng minh công suất thiết bị	01 máy
4	Cần cẩu bánh xích >=25T Kèm theo tài liệu chứng minh công suất thiết bị	02 máy
5	Cần cẩu bánh xích >=50T Kèm theo tài liệu chứng minh công suất thiết bị	03 máy
6	Máy bơm áp lực xói nước đầu cọc >= 300 CV Kèm theo tài liệu chứng minh công suất thiết bị	02 máy
7	Máy bơm cát, động cơ diezel >=126 CV	01 máy
8	Sà lan, trọng tải >=200T Kèm theo tài liệu chứng minh công suất thiết bị	06 chiếc
9	Tàu kéo >=150CV Kèm theo tài liệu chứng minh công suất thiết bị	03 chiếc
10	Máy đào, dung tích gầu >= 0,5m3 Kèm theo tài liệu chứng minh công suất thiết bị	05 chiếc
11	Máy lu bánh thép >= 9T Kèm theo tài liệu chứng minh công suất thiết bị	02 máy
12	Xe nâng >=12 m Kèm theo tài liệu chứng minh công suất thiết bị	01 chiếc
13	Máy kinh vĩ hoặc Máy toàn đạc hoặc máy GPS	03 máy
14	Máy thủy bình	03 máy

Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng.

2.3. Nhà thầu phụ đặc biệt (nếu có): Không có.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

TCĐG về mặt kỹ thuật sử dụng tiêu chí "*đạt*", "*không đạt*". E-HSDT Nhà thầu được đánh giá là đạt về mặt kỹ thuật khi tất cả các nội dung đánh giá nêu ở các tiêu chí được xác định là "*đạt*". Chi tiết cụ thể theo bảng sau:

1. Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công(1):

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1.1 Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng. Đối với vật tư, vật liệu chính: Theo danh mục vật tư chính sử dụng cho công trình quy định tại khoản 13, mục III, Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật	a). Có bảng cam kết chủng loại vật tư dự kiến sử dụng cho công trình (kèm theo bản cam kết về chủng loại vật tư). b). Có hợp đồng nguyên tắc với tổ chức hoặc cá nhân có kinh doanh cung cấp vật tư (kèm theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của đơn vị cung cấp vật tư).	Đạt
	- Không đáp ứng các nội dung yêu cầu tại mục a). hoặc mục b). nêu trên.	Không đạt
1.2. Tổ chức mặt bằng công trường: bãi thiết bị thi công, lán trại, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, bố trí cổng ra vào, rào chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công (kèm theo bản vẽ mặt bằng bố trí tổ chức thi công đúng theo thực tế công trình).	a). Có tổ chức mặt bằng công trường: Bãi tập kết thiết bị thi công, lán trại, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, bố trí cổng ra vào, rào chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công và kèm theo bản vẽ mặt bằng bố trí tổ chức thi công đúng theo thực tế công trình.	Đạt
	- Không đáp ứng các nội dung yêu cầu tại mục a).	Không đạt
1.3. Giải pháp kỹ thuật thi công xây dựng các hạng mục nêu tại tiểu mục 1, mục I, chương V.	a). Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Đạt
	- Không đáp ứng các nội dung yêu cầu tại mục a).	Không đạt
1.4. Giải pháp thi công hiệu quả, không ảnh hưởng đến công trình xung quanh	a). Nhà thầu đề xuất biện pháp thi công hợp lý, không ảnh hưởng công trình xung quanh trong quá trình thi công.	Đạt
	- Không đáp ứng các nội dung yêu cầu tại mục a).	Không đạt
1.5. Nhà thầu nêu giải pháp sửa chữa, khắc phục hư hỏng các công	a). Có giải pháp đầy đủ và chi tiết, có tính khả thi.	Đạt

trình lân cận do lỗi của nhà thầu gây ra trong quá trình thi công.	- Không đáp ứng các nội dung yêu cầu tại mục a).	Không đạt
1.6. Công tác chuẩn bị khởi công.	a). Có công tác chuẩn bị khởi công hợp lý, đầy đủ, phù hợp với điều kiện địa phương và có phương án khảo sát thực tế hiện trạng của công trình.	Đạt
	- Không đáp ứng các nội dung yêu cầu tại mục a).	Không đạt
1.7. Biện pháp thi công xây dựng đầy đủ các hạng mục thuộc phạm vi gói thầu nêu tại tiểu mục 1, mục I, chương V	a). Có thuyết minh biện pháp thi công chi tiết phù hợp với hiện trạng công trình, bản vẽ minh hoạ phù hợp, biện pháp thi công phải có trình tự thi công phù hợp với tiến độ thi công. b). Trong biện pháp thi công nhà thầu phải nêu rõ biện pháp bố trí các mũi thi công phù hợp với tiến độ yêu cầu của E-HSMT.	Đạt
	- Không đáp ứng các nội dung yêu cầu tại mục a). hoặc mục b). nêu trên.	Không đạt
Kết luận	**Tất cả tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.**	**Đạt**
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	**Không đạt**

2. Tiến độ thi công[(1)]:

Nội dung yêu cầu	**Mức độ đáp ứng**	
2.1. Tiến độ thi công: Bảo đảm thời gian thi công theo yêu cầu của gói thầu.	a). Nhà thầu phải lập biểu đồ tiến độ thi công, biểu đồ nhân lực, biểu đồ bố trí máy móc thiết bị thi công chi tiết các công tác thi công phù hợp với biện pháp thi công, điều kiện thực tế tại công trường và phải đáp ứng yêu cầu cụ thể tại mục II, chương V.	Đạt
	- Không đáp ứng các nội dung yêu cầu tại mục a). hoặc mục b). hoặc mục c). nêu trên.	Không đạt
2.2. Tính phù hợp: a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công.	Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 3 nội dung nêu tại mục a), b) và c).	Đạt
b) Giữa huy động thiết bị và biện pháp thi công. c) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi	Đề xuất không đủ 3 nội dung nêu tại mục a), b) và c).	Không đạt

công.		
2.3. Biện pháp đảm bảo tiến độ thi công liên tục, duy trì thi công khi mất điện, đảm bảo thiết bị hoạt động liên tục	a). Thuyết minh đầy đủ, chi tiết và đảm bảo yêu cầu.	Đạt
	- Không đáp ứng các nội dung yêu cầu tại mục a).	Không đạt
2.4. Biện pháp đảm bảo tiến độ thi công tổng thể	a). Có biện pháp đảm bảo tiến độ thi công tổng thể trong trường hợp tiến độ một số hạng mục không đảm bảo do ảnh hưởng bởi thời tiết hoặc các yếu tố bất khả kháng theo quy định của Luật Xây dựng 135/2025/QH15.	Đạt
	- Không đáp ứng các nội dung yêu cầu tại mục a).	Không đạt
Kết luận	**Tất cả tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.**	**Đạt**
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	**Không đạt**

3. Cách thức quản lý dự án bao gồm: Tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường[(1)]:

Nội dung yêu cầu	**Mức độ đáp ứng**	
Tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường	Đáp ứng tất cả nội dung dưới đây thì được đánh giá là Đạt: a). Có thuyết minh, thể hiện rõ hệ thống quản lý dự án từ Công ty cho tới Ban chỉ huy công trường trong việc cung ứng nhân lực, thiết bị, nguồn lực tài chính cho gói thầu. Trường hợp nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải thể hiện rõ việc tổ chức thực hiện của từng nhà thầu thông qua công việc trong thoả thuận liên danh. b). Có nêu đầy đủ sơ đồ tổ chức của Ban điều hành, thể hiện trách nhiệm và mối quan hệ liên hệ giữa các chức danh, phân công trách nhiệm của từng bộ phận và các tổ đội thi công. c). Sơ đồ tổ chức của ban điều hành có nêu đầy đủ các vị trí nhân sự (theo yêu cầu tại mục 2.2 – yêu cầu nhân sự chủ chốt) mà nhà thầu dự kiến huy động cho gói thầu đáp ứng yêu cầu, tính đặc thù của gói thầu, phù hợp với biện pháp tổ chức thi công của nhà thầu.	Đạt

	- Trường hợp nhà thầu liên danh, phải có phân công trách nhiệm, phối hợp giữa các thành viên trong quản lý, điều hành thi công, khi công trình có tồn tại về chất lượng, tiến độ.	
	Không đáp ứng một trong các nội dung yêu cầu tại mục a), b), c), d) hoặc không đáp ứng đầy đủ một trong các nội dung yêu cầu tại mục a), b), c), d).	Không đạt
Kết luận	**Tất cả tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.**	**Đạt**
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	**Không đạt**

4. Biện pháp bảo đảm chất lượng[(1)]:

Nội dung yêu cầu	**Mức độ đáp ứng**	
4.1. Hệ thống quản lý chất lượng	a). Có hệ thống quản lý chất lượng trong đó nêu rõ sơ đồ tổ chức và trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân đối với công tác quản lý chất lượng.	Đạt
	- Không đáp ứng các nội dung yêu cầu tại mục a).	Không đạt
4.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công	a) Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	- Không đáp ứng các nội dung yêu cầu tại mục a).	Không đạt
4.3. Biện pháp đảm bảo chất lượng các công tác thi công	a). Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	- Không đáp ứng các nội dung yêu cầu tại mục a).	Không đạt
4.4. Biện pháp bảo quản vật liệu, công trình khi tạm dừng thi công, khi mưa bão	a). Có nêu biện pháp đầy đủ và chi tiết.	Đạt
	- Không đáp ứng các nội dung yêu cầu tại mục a).	Không đạt
4.5. Biện pháp, quy trình quản lý tài liệu, hồ sơ quản lý thi công xây dựng công trình	a). Có trình bày chi tiết, hợp lý, đúng quy định.	Đạt
	- Không đáp ứng các nội dung yêu cầu tại mục a).	Không đạt

4.6. Phòng thí nghiệm để kiểm tra chất lượng vật tư, vật liệu đầu vào và các công việc trong quá trình thi công.	a). Nhà thầu có phòng thí nghiệm vật liệu và kiểm định xây dựng (LAS-XD) hoặc Trường hợp nhà thầu ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị thí nghiệm khác thì nhà thầu phải cung cấp các tài liệu: hợp đồng nguyên tắc, giấy phép đăng ký kinh doanh và quyết định công nhận của cơ quan có thẩm quyền của đơn vị thí nghiệm (còn hiệu lực).	Đạt
	- Không đáp ứng các nội dung yêu cầu tại mục a).	Không đạt
Kết luận	**Tất cả tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.**	**Đạt**
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	**Không đạt**

5. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường trên công trường xây dựng(1):

Nội dung yêu cầu	**Mức độ đáp ứng**	
5.1. An toàn lao động		
Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	a). Có biện pháp an toàn lao động hợp lý khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và bản vẽ biện pháp an toàn lao động cho từng hạng mục thi công xây lắp chính.	Đạt
	- Không đáp ứng các nội dung yêu cầu tại mục a).	Không đạt
5.2. Phòng cháy, chữa cháy		
Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	a). Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	- Không đáp ứng các nội dung yêu cầu tại mục a).	Không đạt
5.3. Vệ sinh môi trường		
Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	a). Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	- Không đáp ứng các nội dung yêu cầu tại mục a).	Không đạt
Điều kiện sinh hoạt cho người lao động tại công trường	a). Có thuyết minh biện pháp đảm bảo điều kiện sinh hoạt cho người lao động tại công trường.	Đạt

	- Không đáp ứng các nội dung yêu cầu tại mục a).	Không đạt
5.4. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, khói, bụi, rung trong qua trình thi công.		
Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, khói, bụi, rung trong qua trình thi công	a). Có phương án giảm thiểu tiếng ồn, khói, bụi, rung trong qua trình thi công tránh ảnh hưởng tới môi trường làm việc, sinh hoạt xung quanh công trình.	Đạt
	- Không đáp ứng các nội dung yêu cầu tại mục a).	Không đạt
Kết luận	**Tất cả tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.**	**Đạt**
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	**Không đạt**

6. Bảo hành và Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu[(1)]:

Nội dung yêu cầu	**Mức độ đáp ứng**	
6.1. Bảo hành		
Thời gian bảo hành, bảo trì	- Có đề xuất thời gian bảo hành, bảo trì công trình **≥ 12 tháng**, kể từ ngày được cơ quan chuyên môn về xây dựng chấp thuận nghiệm thu hoàn thành công trình. - Có trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì công trình. - Có cam kết khắc phục các sự cố, hư hỏng của công trình trong thời gian bảo hành, bảo trì chậm nhất 03 làm việc ngày kể từ ngày nhận được thông báo của chủ đầu tư/đơn vị sử dụng.	Đạt
	Không đáp ứng một trong các yêu cầu nêu trên.	Không đạt
6.2 Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP		
Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu	a) Nhà thầu có cam kết không vi phạm theo các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP của Chính phủ, bao gồm: + Tiến độ thực hiện hợp đồng.	Đạt

	+ Chất lượng công trình, bao gồm các sự cố xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có) và các yếu tố khác có liên quan trong quá trình thực hiện hợp đồng. + Vi phạm hợp đồng, bị chấm dứt hợp đồng.	
	b) Nhà thầu có vi phạm (hoặc chủ đầu tư có tài liệu chứng minh nhà thầu đã vi phạm) theo một trong các nội dung quy định tại mục a). nêu trên.	Không đạt
Kết luận	**Tất cả tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.**	**Đạt**
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	**Không đạt**

7. Các yếu tố cần thiết khác[(1)]:

Nội dung yêu cầu	**Mức độ đáp ứng**	
7.1. Cam kết về cung cấp đầy đủ vật liệu đảm bảo chất lượng, tiến độ cho gói thầu	a). E-HSDT có đính kèm bản cam kết với nội dung: Cung cấp đầy đủ vật liệu đảm bảo chất lượng để phục vụ thi công cho gói thầu theo tiến độ đươc chủ đầu tư phê duyệt. Trường hợp không cung cấp đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu chấp nhận bị phạt 12% giá trị hợp đồng cho phần khối lượng vi phạm, nhà thầu sẽ bị chấm dứt hợp đồng và không khiếu nại với mọi hình thức.	Đạt
	- Không đáp ứng các nội dung yêu cầu tại mục a).	Không đạt
7.2. Cam kết về "huy động đúng, đầy đủ nhân sự chủ chốt đã đề xuất trong E-HSDT cho gói thầu nếu trúng thầu"	a). E-HSDT có đính kèm bản cam kết với nội dung: huy động đúng, đầy đủ nhân sự chủ chốt đã đề xuất trong E-HSDT cho gói thầu nếu trúng thầu.	Đạt
	- Không đáp ứng các nội dung yêu cầu tại mục a).	Không đạt
7.3. Cam kết về "huy động đúng, đầy đủ thiết bị thi công đã đề xuất trong E-HSDT cho gói thầu nếu trúng thầu"	a) E-HSDT có đính kèm bản cam kết với nội dung: huy động đúng, đầy đủ thiết bị thi công đã đề xuất trong E-HSDT cho gói thầu nếu trúng thầu.	Đạt
	- Không đáp ứng các nội dung yêu cầu tại mục a).	Không đạt

7.4. Cam kết "Nhà thầu có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bên thứ ba bị ảnh hưởng do hoạt động thi công xây dựng của nhà thầu gây ra. Việc ảnh hưởng này không được làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện gói thầu (trừ trường hợp bất khả kháng) nếu trúng thầu"	a). E-HSDT có đính kèm bản cam kết được ký đóng dấu bởi đại hiện hợp pháp của nhà thầu. Nội dung cam kết: Nhà thầu có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bên thứ ba bị ảnh hưởng do hoạt động thi công xây dựng của nhà thầu gây ra. Việc ảnh hưởng này không được làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện gói thầu (trừ trường hợp bất khả kháng) nếu trúng thầu.	Đạt
	- Không đáp ứng các nội dung yêu cầu tại mục a).	Không đạt
Kết luận	**Tất cả tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.**	**Đạt**
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	**Không đạt**

Ghi chú:

(1) Giải pháp, biện pháp thi công các công tác xây dựng của nhà thầu chỉ được xem xét, đánh giá là đáp ứng khi nhà thầu trình bày đầy đủ trình tự các công việc từ đầu vào đến quá trình thi công và cuối cùng là kiểm tra, nghiệm thu và tuân thủ theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt.

Trường hợp nhà thầu trình bày biện pháp thi công chung chung theo tiêu chuẩn kỹ thuật, không nêu cụ thể và không bám sát theo giải pháp thiết kế của công trình được phê duyệt thì bị đánh giá là không đáp ứng yêu cầu.

Trường hợp nhà thầu sao chép bản vẽ thiết kế mà không phải là bản vẽ minh hoạ biện pháp thi công đã đề xuất hoặc bản vẽ minh hoạ không phù hợp với biện pháp thi công thì được xem là không nắm được yêu cầu E-HSMT, bản vẽ đó sẽ không được xem xét và được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu.

Để phù hợp theo yêu cầu tại mục 3 nêu trên, đề nghị các nhà thầu cập nhật các quy chuẩn, tiêu chuẩn và các quy định của pháp luật về xây dựng hiện hành để đưa ra các giải pháp triển khai thực hiện hoàn thành gói thầu hợp lý, khả thi, phù hợp theo hiện trạng khu vực xây dựng công trình. Trường hợp nhà thầu áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn, tài liệu khác đã hết hiệu lực, không còn phù hợp để thuyết minh giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công và các yêu cầu khác tại mục 3 nêu trên thì nhà thầu sẽ bị đánh giá không đạt ở phần đánh giá về kỹ thuật.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT: Không có.